

Bản án số: 02/2016/KDTM-PT.

Ngày 21/12/2016

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Lương Xuân Lộc

Ông Nguyễn Gia Lương

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Loan – Thư Ký toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Hoàng Đức Trình
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2016 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2016/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2016/DSST ngày 23/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2016/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2016; Quyết định hoãn phiên toà số 02/2016/QĐ-TA, ngày 24 tháng 11 năm 2016, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Viễn Thông B.

Do ông Nguyễn Tường Anh M, sinh năm 1968 - Giám Đốc Trung tâm Viễn thông Y đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 234/GUQ-VNPT-BG ngày 08/4/2016 của Giám đốc Viễn thông B) (có mặt).

Địa chỉ: phố C, thị trấn G, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Phạm Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc công ty đại diện theo pháp luật (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: Đường H, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3.2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3.3. Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường K, Quận H, thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 11/4/2016 nguyên đơn là Viễn Thông B do ông Nguyễn Tường Anh M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Kể từ thời điểm tháng 01/2013 đến ngày 14/4/2014 Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T, nay là Công ty cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T có ký hợp đồng mua hàng hóa của Trung tâm Viễn thông Y thuộc Viễn thông B các mặt hàng bao gồm: Hệ thống tổng đài nội bộ theo hợp đồng số 02/2013/HĐKT-VTBG; Hệ thống mạng lan theo HĐ 01/2013/HĐKT-VTBG; Máy Ipad theo biên bản bàn giao ký ngày 13/6/2013 và ngày 14/6/2013; Máy in canon 6200 theo hóa đơn bán hàng ngày 18/6/2013; Bộ case máy tính để bàn theo hóa đơn ngày 21/6/2013. Tổng trị giá hàng hóa mà Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T mua của Viễn thông B số tiền là 83.110.750đ (Tám mươi ba triệu, một trăm mười ngàn, bảy trăm năm mươi đồng). Sau khi lắp đặt xong và chốt nợ, Trung tâm viễn thông đã đến Công ty T đòi nhiều lần nhưng Công ty không trả được bất kỳ một khoản công nợ nào cho Trung tâm. Viễn thông B khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T phải thanh toán trả cho Viễn thông B số tiền còn nợ lại là 83.110.750đ (Tám mươi ba triệu, một trăm mười ngàn, bảy trăm năm mươi đồng). Tại phiên sơ thẩm Đại diện của Viễn Thông B vẫn giữ nguyên các yêu cầu trên.

Bị đơn là Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T do ông Phạm Văn T, Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Năm 2009 ông có dự án đầu tư xây dựng Nhà máy giết mổ gia cầm tại xã Đ, huyện T đã được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư và ông đã tiến hành các thủ tục đền bù, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà xưởng... tổng kinh phí gần 4 tỷ đồng. Nhưng do nguồn vốn hạn chế nên ông không vay được tiền của Ngân hàng khiến dự án của ông phải tạm dừng hoạt động. Tháng 3/2013 có ông T và ông A đến đặt vấn đề và mua lại toàn bộ dự án của ông. Hai bên đã thỏa thuận thống nhất có văn bản thỏa thuận kèm theo với tỷ giá là 3,7 tỷ đồng. Anh T và anh A đã trả cho ông được số tiền là 01 tỷ đồng và yêu cầu ông để lại 1,5 tỷ làm cổ phần khi nào nhà máy vào sản xuất thì trả ông. Số tiền còn lại 1,2 tỷ, hai ông làm biên bản sẽ trả nợ tay 3 thay ông. Mặc dù đã thỏa thuận nhưng đến tận tháng 9/2013 anh A và anh T vẫn không trả được tiền cho ông nên ông phải quay lại Công ty. Do vậy mọi hoạt động của công ty từ tháng 3 đến tháng 9/2013 ông không biết mà cũng không có sổ sách kế toán. Đến tháng 4/2014 ông được bầu làm Tổng giám đốc của Công ty cho đến nay. Sau khi ông làm Tổng giám đốc cũng không có biên bản bàn giao công nợ và sổ sách. Trong thời gian điều hành công ty, ông yêu cầu cung cấp sổ nợ của công ty, ông thấy nhiều cái bất hợp lý, kênh giá không khớp nên ông đã có đơn gửi Công an tỉnh Bắc Giang điều tra làm rõ.

Do vậy, mọi khoản nợ trong thời kỳ anh T và anh A điều hành từ tháng 3 đến tháng 9/2013 thì anh T và anh A phải trả vì ông nghỉ trong thời điểm đó. Từ tháng 9/2013 trở về đây thì ông nhất trí cùng trả, nên khoản nợ 83.110.750đ của

Viễn thông Bắc Giang ông không có trách nhiệm. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Văn T trình bày: Vào tháng 6/2013 anh là Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T đã đại diện cho Công ty ký hợp đồng mua bán hệ thống tổng đài nội bộ, hợp đồng số 02/2013 - HĐKT-VTBG với Trung tâm Viễn thông Y giá trị hợp đồng là 23.303.800đ; hệ thống mạng lan hợp đồng số 01/2013-HĐKT-VTBG giá trị hợp đồng là 18.066.950đ; Ngày 13/6/2013 anh mua tiếp 02 chiếc Ipad màu trắng giá trị 30.820.000đ; Ngày 18/6/2013 mua tiếp 01 chiếc máy canon 6200 trị giá 3.830.000đ; Ngày 21/6/2013 mua 01 bộ máy tính để bàn trị giá 7.090.000đ. Tổng toàn bộ giá trị hàng hóa mua của Trung tâm Viễn Thông Y là 83.110.750đ.

Ngày 14/02/2014 Công ty thay đổi người đại diện do Hội đồng Quản trị Công ty T và bầu anh Phạm Tuấn A làm Tổng Giám đốc thay anh và là người đại diện của Công ty, đến ngày 02/4/2014 Hội đồng Quản trị miễn nhiệm anh Phạm Tuấn A và bầu ông Phạm Văn T làm người đại diện của Công ty. Toàn bộ những thiết bị tài sản mà Công ty T đã mua của Viễn thông B được lắp đặt và sử dụng tại Công ty đến nay vẫn đang do Công ty quản lý. Tất cả các lần thay đổi người đại diện giữa các thời kỳ đều được giao nhận trước Hội đồng Quản trị Công ty và có biên bản và chỉ dẫn kiểm tra, nhưng do lâu ngày anh không còn giữ được biên bản bàn giao.

Nay Viễn thông B do ông Nguyễn Tường Anh M làm đại diện khởi kiện Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T số tiền còn nợ lại là 83.110.750đ (*Tám mươi ba triệu, một trăm mười ngàn, bảy trăm năm mươi đồng*), quan điểm của anh là Công Ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T phải trả vì đây là công nợ thực tế của Công ty. Về người đại diện trực tiếp của Công ty là ông Phạm Văn T và những cổ đông của Công ty gồm anh Phạm Văn T và Phạm Tuấn A.

Anh Phạm Tuấn A trình bày: Anh là cổ đông đại diện phần vốn góp trong Công ty T với số vốn góp là 1.270.000.000đ và đã được đại diện Công ty xác nhận ngày 07/3/2013 tại trụ sở Công ty và cho đến thời điểm ngày 24/11/2014 ông Phạm Văn T đại diện Công ty đã ra quyết định đuổi anh ra khỏi HĐQT và trừ hết số tiền góp vốn của cá nhân anh trong Công ty. Vì đã bị đuổi việc nên anh không biết việc làm ăn, mua bán chuyển nhượng của Công ty như thế nào, chỉ biết thông qua anh T nói với anh là ông T đã lấy con dấu của Công ty và toàn bộ giấy tờ liên quan đến việc thế chấp Ngân hàng và giao bán Công ty.

Anh có được Tòa án thông báo và giao các văn bản tố tụng về việc các cá nhân, tổ chức khởi kiện Công ty T ra Tòa vì chưa thanh toán được các khoản nợ, trong đó số nợ của Viễn thông B là 83.110.750đ. Anh thừa nhận Công ty T có nợ số nợ trên và đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải có trách nhiệm trả nợ nhưng vì hiện tại Công ty đang bị thua lỗ nên chưa thể thanh toán trả ngay được mà sẽ thanh toán khi thanh lý được tài sản của Công ty. Vì công việc bận nên anh không thể đến Tòa được, anh đã có đơn xin vắng mặt tại Tòa và đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 01/2016/DSST ngày 23/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Y đã áp dụng Điều 2; Điều 11; Điều 12; Điều 317 và Điều 319 Luật Thương mại; Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 30; Điều 91; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 pháp lệnh về án phí; Điều 2 luật thi hành án. Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T do ông Phạm Văn T - Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thanh toán trả cho Viễn Thông B do ông Nguyễn Tường Anh M là người đại diện theo ủy quyền số tiền mua bán hàng hóa còn nợ lại là 83.110.750đ (Tám mươi ba triệu, một trăm mười ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

2. Về án phí: Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T do ông Phạm Văn T - Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu 4.155.500đ (Bốn triệu, một trăm năm mươi ngàn, năm trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Viễn thông B không phải chịu tiền án phí KDTMST. Hoàn trả Viễn thông B số tiền 2.080.000đ (Hai triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng chẵn) đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2014/0003828 ngày 11/4/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải chấp hành án không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm thi hành.

Ngoài ra, bản án còn quyết định quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Không đồng ý bản án sơ thẩm, ngày 07/9/2016 ông Phạm Văn T đại diện cho Công ty cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2016/DS-ST ngày 23/8/2016; ngày 12/9/2016 ông T nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Lý do kháng cáo: Thời kỳ ông M đại diện cho Viễn Thông Y bán tài sản cho Công ty T không có sự thống nhất của Hội đồng quản trị do cá nhân ông T và ông A tự làm; Hồ sơ vụ việc ông T và ông A đã lợi dụng chức quyền khai khống chứng từ lừa đảo chiếm đoạt tiền của Công ty đang được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh điều tra; phiên tòa sơ thẩm ông không được tham gia vì đang ốm nằm điều trị tại khoa nội I tim mạch Bệnh viện đa khoa Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Tường Anh M, đại diện cho nguyên đơn Viễn thông B không rút đơn khởi kiện, ông Phạm Văn T đại diện cho Công ty cổ phần và chế biến gia cầm T không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Công ty cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T do ông Phạm Văn T đại diện trình bày: Ông không đồng ý bản án sơ thẩm, không đồng ý lời khai của anh T cho rằng sau khi nghỉ có biên bản bàn giao, anh A khai ông đuổi anh A ra khỏi Công ty là không đúng; thời kỳ anh T và anh A điều hành tự ý ký hợp đồng lắp đặt không được thống nhất của Hội đồng quản trị, ông không được bàn bạc. Anh T và anh A ký hợp đồng thì cá nhân anh T và anh A phải trả, ông không chịu trách nhiệm, hiện nay các thiết bị lắp đặt này anh T đã mang đi hết

không còn gì, Tòa sơ thẩm xử vắng mặt khi ông đang điều trị tại Bệnh viện, vụ việc ông đang khiếu nại về trả lời của cơ quan điều tra và Viện kiểm sát.

Ông Nguyễn Tường Anh M đại diện cho Viễn Thông Bắc Giang trình bày: Công ty ký hợp đồng với Trung tâm Viễn Thông Y thể lắp đặt thiết bị viễn thông, Trung tâm viễn thông đã cung cấp đầy đủ các sản phẩm mà Công ty mua và có biên bản nghiệm thu. Hàng tháng thì Công ty T vẫn trả cước còn tiền lắp đặt mua máy thì không trả. Ông T trình bày không đồng ý trả nợ vì không phải ông ký hợp đồng nhưng toàn bộ hợp đồng đều do Công ty T và do ông T đại diện ký nên Viễn Thông B giữ nguyên quan điểm yêu cầu Công ty cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T phải trả số tiền đã mua bán các thiết bị viễn thông và một số tài sản. Tổng số tiền là 83.110.750 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T (Viết tắt là Công ty T) do ông Phạm Văn T, tổng giám đốc có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Viễn thông B chi nhánh Trung tâm Viễn thông huyện Y: Hợp đồng mua bán hệ thống tổng đài nội bộ, hợp đồng số 02/2013/HĐKT-VTBG ký tháng 6/2013 giá trị hợp đồng là 23.303.800đ; hệ thống mạng lan hợp đồng số 01/2013-HĐKT-VTBG ngày 10/6/2013 giá trị hợp đồng là 18.066.950đ; Ngày 13/6/2013 Công ty mua tiếp 02 chiếc Ipad màu trắng giá trị 30.820.000đ; Ngày 18/6/2013 mua 01 chiếc máy canon 6200 trị giá 3.830.000đ; Ngày 21/6/2013 mua 01 bộ máy tính để bàn trị giá 7.090.000đ. Tổng toàn bộ giá trị hàng hóa mua của Trung tâm Viễn Thông Y. Công ty T còn nợ là 83.110.750đ. Do đòi nhiều lần nhưng Công ty cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T không thanh toán trả nên Viễn thông B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T phải thanh toán cho Viễn thông B toàn bộ số tiền trên. Bản án sơ thẩm đã buộc Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T phải thanh toán trả cho Viễn Thông B số tiền mua bán hàng hóa còn nợ lại là 83.110.750đ (Tám mươi ba triệu, một trăm mười ngàn, bảy trăm năm mươi đồng). Công ty cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T do ông Phạm Văn T đại diện kháng cáo toàn bộ bản án. Xét kháng cáo của Công ty cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào các hợp đồng kinh tế số 01/2013/ HĐKT-VTBG và số 02/2013/ HĐKT-VTBG và hóa đơn mua bán hàng (từ bút lục 120 đến bút lục 145). Trong thời gian tháng 6/2013 Công ty T do ông Phạm Văn T là tổng giám đốc ký với Trung tâm Viễn thông Y lắp đặt, mua bán các thiết bị viễn thông, mạng lan, máy tính, máy in, Ipad. Tại biên bản xác nhận chất lượng, khối lượng đã hoàn thành công trình, biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ cùng ghi ngày 14/04/2014 giữa Trung tâm Viễn thông Y với Công ty T do ông Phạm Văn T là tổng giám đốc ký (Bút lục 144,145) các bên đều ký xác nhận Công ty có lắp đặt hệ thống mạng lan, máy Ipad, máy tính, máy in số tiền còn nợ 83.110.750 đồng. Ông Phạm Văn T trình bày không nhất trí trả nợ vì cho rằng đến tháng 4 năm 2014 ông mới được bầu là tổng giám đốc Công ty khi điều hành Công ty thì những máy móc, thiết bị này anh T tháo mang đi hết nên các khoản nợ của Công ty trước đó là số nợ riêng của anh Phạm Văn T và anh Phạm Tuấn A và cho rằng việc trả nợ Viễn thông B phải là anh T và anh A là không có cơ sở chấp nhận được. Thực tế, ông T là người đại diện Công ty ký hợp đồng với Viễn thông B, mục đích để phục vụ cho hoạt động của Công ty, không phải phục vụ riêng cá nhân anh T. Do vậy, bản án sơ thẩm buộc Công ty cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền cho Viễn Thông B số tiền nợ là 83.110.750 đồng là có căn cứ. Nên không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T. Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm; Việc cá nhân giữa các cổ đông trong Công ty có tranh chấp với nhau về việc phân định tài sản tự các cổ đông giải quyết nếu không giải quyết được thì khởi kiện bằng vụ án khác.

Ngoài ra, ông T trình bày vụ việc đang được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang điều tra. Tuy nhiên, tại bản kết luận điều tra số 36/KLĐT ngày 18/9/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, không có nội dung liên quan đến nợ của Công ty đối với Viễn Thông B

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm ông đang điều trị bệnh tại khoa nội I tim mạch Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang và xuất trình giấy ra viện điều trị từ ngày 22/8/2016 đến ngày 26/8/2016. Hội đồng xét xử thấy: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện, ông T được tổng đạt giấy báo phiên toàn lần thứ nhất vào ngày 27/7/2016 nhưng ông T vắng mặt, Tòa án hoãn phiên tòa và ấn định vào ngày 23/8/2016, như vậy ông T đã được Tòa án tổng đạt giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, tòa sơ thẩm căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Do kháng cáo của Công ty Cổ phần chế biến gia cầm T không được chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 BLTTDS và khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh về án phí lệ phí tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tòa sơ thẩm cần rút kinh nghiệm ghi ký hiệu và trích yếu bản án không đúng hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần chế biến và chăn nuôi gia cầm Trường Anh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 2; Điều 11; Điều 12; Điều 317 và Điều 319 Luật Thương mại; Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 30; Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27; khoản 1 Điều 30 pháp lệnh về án phí. Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T do ông Phạm Văn T - Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thanh toán trả cho Viễn Thông B do ông Nguyễn Tường Anh M là người đại diện theo ủy quyền số tiền mua bán hàng hóa còn nợ lại là 83.110.750đ (Tám mươi ba triệu, một trăm mười ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

2. Về án phí: Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T do ông Phạm Văn T - Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu 4.155.500đ (Bốn triệu, một trăm năm mươi ngàn, năm trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến gia cầm T phải chịu 200.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/0003976 ngày 12/9/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- T.H.A huyện Yên Thế;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS, TDS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Thị Thu Hiền

